

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 02-Khối Đảng đoàn thể
Tháng 7 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương khoản	Lương công đoàn	Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương					HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
1	02	Tổ Đảng ủy			108		31.909.550	19.000.000		130.216	334.000			51.373.766	2.193.900	411.400	274.400	513.700	220.000		3.613.400	47.760.366	
1	HL-00175	Bùi Văn Ngợi	Bí thư Đảng ủy	10.093.000	27	A		19.000.000			334.000			19.334.000	807.500	151.400	101.000	193.300	55.000		1.308.200	18.025.800	
2	HL-04185	Phạm Mai Trang	Trưởng ban Đảng ủy	6.406.000	27	A	13.158.450			91.378			13.249.828	512.500	96.100	64.100	132.500	55.000		860.200	12.389.628		
3	HL-01885	Hồ Sỹ Long	Chánh VP Đảng ủy	6.545.000	27	A	13.158.450						13.158.450	523.700	98.200	65.500	131.600	55.000		874.000	12.284.450		
4	HL-04013	Nguyễn Thị Hoa	Nhân viên	4.377.000	27	A	5.592.650			38.838			5.631.488	350.200	65.700	43.800	56.300	55.000		571.000	5.060.488		
2	03	Tổ Công đoàn			81		28.317.600	17.000.000	-24.007.000		209.000	0,30	417.000	21.936.600	1.920.700	360.300	240.200	459.500	165.000		3.145.700	18.790.900	
5	HL-00137	Phạm Văn Nguyên	Chủ tịch Công đoàn	9.137.000	27	A		17.000.000	-9.137.000				7.863.000	731.000	137.100	91.400	170.000	55.000		1.184.500	6.678.500		
6	HL-00337	Đỗ Văn Hùng	Phó chủ tịch Công đoàn	7.882.000	27	A	14.158.800		-7.882.000			0,30	417.000	6.693.800	630.600	118.300	78.900	145.800	55.000		1.028.600	5.665.200	
7	HL-03483	Phạm Quý Dân	Phó chủ tịch Công đoàn	6.988.000	27	A	14.158.800		-6.988.000		209.000			7.379.800	559.100	104.900	69.900	143.700	55.000		932.600	6.447.200	
3	04	Tổ Đoàn thanh niên			27		13.158.450				306.000			13.464.450	470.300	88.200	58.800	134.600	55.000	255.000	1.061.900	12.402.550	
8	HL-00136	Nguyễn Tiến Dũng	Bí thư Đoàn TN	5.878.000	27	A	13.158.450				306.000			13.464.450	470.300	88.200	58.800	134.600	55.000	255.000	1.061.900	12.402.550	
Tổng cộng					216		73.385.600	36.000.000	-24.007.000	130.216	849.000	0,30	417.000	86.774.816	4.584.900	859.900	573.400	1.107.800	440.000	255.000	7.821.000	78.953.816	

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2019
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCLĐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng